

Số : 55/TB

Đắk Song, ngày 30 tháng 08 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc làm hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp tiền ăn và hỗ trợ tiền nhà ở cho học sinh THPT ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn năm học 2017-2018

- Căn cứ Nghị định số:116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số: 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ, về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

- Căn cứ Công văn số: 1539/SGD&ĐT – KHTC ngày 28/08/2017 của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông về việc triển khai Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ.

1. Đối tượng học sinh được hưởng chế độ theo Nghị định này là học sinh Trường THPT là người dân tộc thiểu số, phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Đang học tại trường THPT Đắk Song;
- b) Bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các thôn, bon xã Trường Xuân gồm: Bon Bu Păh, Bon Jang Plei 1, Bon Jang Plei 2, Bon Bu Bơ; thôn, bon xã Đắk ND'rung gồm: Bon Bu Đóp.

2. Đối với học sinh THPT là người dân tộc kinh phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Đang học tại trường THPT Đắk Song;
- b) Bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các thôn, bon xã Trường Xuân gồm: Bon Bu Păh, Bon Jang Plei 1, Bon Jang Plei 2, Bon Bu Bơ; thôn, bon xã Đắk ND'rung gồm: Bon Bu Đóp.

c) Gia đình phải thuộc hộ nghèo do Ủy ban nhân xã cấp học xác nhận đối tượng.

Nhà ở xa trường từ 10km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá).

3. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ gồm.

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);
- b) Sổ hộ khẩu (bản sao có chứng thực từ bản chính; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận của Trưởng Công an xã);
- c) Giấy tờ chứng minh là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng (chỉ áp dụng đối với học sinh là người dân tộc kinh).
- d. Mỗi học sinh đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ nộp 02 bộ hồ sơ.

Nay nhà trường thông báo đến học sinh và các bậc CMHS được biết để làm hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ.

Thời gian nhận đến hết ngày 14/09/2017

Thời gian họp xét 14^h 00 ngày 15/09/2017

Địa điểm nộp hồ sơ tại: Phòng KT-TQ nhà trường (gặp đ/c Nguyễn Văn Tài)

Đề nghị GVCN quán triệt kỹ cho học sinh làm thủ tục theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- GVCN lớp
- Niêm yết bảng tin
- Lưu VT



HIỆU TRƯỞNG

Trần Bảo Ngọc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 582/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 20.176 thôn đặc biệt khó khăn, 1.935 xã khu vực III, 2.018 xã khu vực II và 1.313 xã khu vực I của 51 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có thay đổi, hiệu chỉnh tên thôn, tên xã, tên huyện trong danh sách kèm theo Quyết định này, ủy quyền cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Bãi bỏ các Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013 về công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015; Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 về công nhận bổ sung, điều chỉnh thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc và miền núi; Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 về điều chỉnh xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc và miền núi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (3).xh 105

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

**DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BA KHU VỰC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
TỈNH ĐẮK NÔNG**



(Ban hành theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã, phường, thị trấn	Thuộc khu vực	Số thôn ĐBKK
		Xã khu vực I	15	
		Xã khu vực II	44	78
		Xã khu vực III	12	101
		TOÀN TỈNH	71	179
I	HUYỆN ĐẮK MIL			
1		Xã Long Sơn	II	
2		Xã Đăk Lao	I	
3		Thị trấn Đăk Mil	I	
4		Xã Đức Mạnh	I	
5		Xã Đăk Gănn	II	3
6		Xã Thuận An	I	
7		Xã Đăk Rla	I	
8		Xã Đăk Săk	II	2
9		Xã Đăk N' Drôt	II	
10		Xã Đức Minh	I	
II	HUYỆN TUY ĐỨC			
1		Xã Quảng Tâm	III	4
2		Xã Quảng Tân	III	17
3		Xã Quảng Trục	III	10
4		Xã Đăk Ngo	III	10
5		Xã Đăk R'Tih	III	9
6		Xã Đăk Búk So	II	2
III	HUYỆN ĐẮK SONG			
1		Xã Trường Xuân	II	4
2		Xã Đăk N' Drung	II	1
3		Thị Trấn Đức An	II	
4		Xã Đăk Mól	II	
5		Xã Thuận Hạnh	II	



**DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn (thôn/ấp/tổ/khu/xóm/bản/buôn...) đặc biệt khó khăn	
I	HUYỆN ĐẮK MIL				
		Xã Đăk Gănn	II		
				1	Bon Đăk Gănn
				2	Bon Đăk Sra
				3	Bon Đăk Láp
		Xã Đăk Săk	II		
				1	Bon Đăk Măm
				2	Bon Đăk Săk
II	HUYỆN TUY ĐỨC				
		Xã Quảng Tâm	III		
				1	Thôn 2
				2	Thôn 3
				3	Thôn 5
				4	Bon Bu N'Đor B
		Xã Quảng Tân	III		
				1	Thôn 3
				2	Thôn 9
				3	Thôn 10
				4	Thôn 11
				5	Thôn Đăk RTăng
				6	Thôn Mê Ra
				7	Bon NDRong A
				8	Bon Đăk Suôn
				9	Bon NDRong B
				10	Thôn Đăk Quong
				11	Bon Za Lú A
				12	Bon Za Lú B

TT	Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn (thôn/ấp/tổ/khu/xóm/bản/buôn...) đặc biệt khó khăn	
				3	Bon Bu MBLanh B
				4	Bon R'Muôn
				5	Bon Diêng Ngaih
				6	Bon Me Ra
				7	Bon Koh
				8	Bon Bu Đách
				9	Bon Bu NBDor
III	HUYỆN ĐẮK SONG				
		Xã Trường Xuân	II		
				1	Bon Bu Páh
				2	Bon Jang Plei 2
				3	Bon Bu Bơ
				4	Bon Jang Plei 1
		Xã Đăk N' Drung	II		
				1	Bon Bu Đóp
IV	HUYỆN ĐẮK GLONG				
		Xã Quảng Khê	III		
				1	Bon Ka La Dong
				2	Bon Phi Mư
				3	Bon Ka Nur
				4	Bon Sa Ú Đru
				5	Thôn Quảng Long
				6	Bon B' Dong
				7	Bon R'Dạ
				8	Thôn Đăk Lang
				9	Thôn Tân Tiến
		Xã Đăk Plao	III		
				1	Bon B' Nom Păng Răh
				2	Bon B' Plao
				3	Bon B' Tong
				4	Thôn 4
				5	Thôn 5
		Xã Đăk Som	III		